

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 01 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Vân và bà Phạm Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1989; có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã Ph, huyện L, tỉnh H.

**2. Bị đơn:** Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1981; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện L, tỉnh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2021, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị Kim Thoa trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Kim T và anh Đỗ Xuân H lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh H vào ngày 18/12/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, do anh H đi làm được bao nhiêu tiền thì chi tiêu cá nhân mà không đưa tiền để chị T trang trải cuộc sống hằng ngày, một mình chị T vừa phải đi làm lo kinh tế gia đình vừa phải chăm sóc con cái nên chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Anh H không hiểu và cảm thông mà còn đánh chửi chị. Đến tháng

3/2019 chị phát hiện anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, khi chị hỏi thì anh H thừa nhận và hứa sẽ thay đổi nhưng anh H không thay đổi mà vẫn tiếp tục ngoại tình. Đến tháng 10/2020, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh H đánh chửi chị nên Công an xã Trần Hưng Đạo đã mời chị và anh H đến để giải quyết vụ việc. Từ tháng 10/2020 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị T xác định vợ chồng không còn tình cảm và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Xuân H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Đăng K, sinh ngày 06/01/2017 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 02/7/2018, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị T. Chị T cho rằng anh H đang làm nghề lái xe thường xuyên phải đi làm và chỉ về nhà vào buổi tối, bố mẹ anh H đã già yếu không đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện tại chị làm việc tại phòng khám nha khoa Tâm Đức từ tháng 9/2021 cho đến nay, thu nhập ổn định khoảng từ 10.000.000 đến 12.000.000 đồng/tháng và chị đang ở cùng bố mẹ để nên có thể cùng chị chăm sóc con chung. Hơn nữa, do các cháu còn nhỏ nên chị là phụ nữ có thể hiểu và chăm sóc con chung tốt hơn anh H. Vì vậy, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung; yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng cho cả hai cháu, đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- *Về con riêng*: Anh H có 01 con riêng với chị Nguyễn Thị Th (đã ly hôn năm 2013) là cháu Đỗ Hoàng A, sinh ngày 26/11/2004, hiện do anh H chăm sóc nuôi dưỡng. Do cháu Hoàng A là con riêng của anh H nên anh H tự chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng A. Chị T không phải chịu trách nhiệm gì đối với con riêng của anh H.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác*: Chị Trần Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 28/11/2021, anh H có ý kiến như sau: Anh H biết việc chị T xin ly hôn với anh nhưng do bận công việc nên anh không đến Tòa án làm việc, anh cho rằng anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm gì với nhau nên việc chị T xin ly hôn thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh đã thu thập bằng chứng xác định mức thu nhập theo yêu cầu của Tòa án nhưng anh sẽ không cung cấp cho Tòa án. Sau khi trình bày xong anh H bỏ đi và không ký biên bản làm việc, Tòa án đã lập biên bản về việc anh H từ chối khai báo có xác nhận của chính quyền địa phương để làm căn cứ giải quyết vụ án.

\* Tại biên bản xác minh ngày 16/11/2021 với Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý có nội dung như sau: Anh Đỗ Xuân H kết hôn với chị Trần Thị Kim T là tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam vào ngày 18/12/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên việc kết hôn là hợp pháp. Về mâu thuẫn của vợ chồng anh H, chị T do chị T nghi ngờ anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn đánh chửi nhau. Về con chung: Chị Trần Thị Kim T và anh Đỗ Xuân H có 02 con chung là cháu Đỗ

Đặng K, sinh ngày 06/01/2017 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 02/7/2018, hiện nay các cháu đều đang ở cùng với chị T. Về con riêng: Anh Đỗ Xuân H có 01 con riêng với chị Nguyễn Thị Th (Đã ly hôn năm 2013) là cháu Đỗ Hoàng A. Hiện nay cháu Hoàng A đang ở cùng anh H và bố mẹ đẻ anh H tại thôn N, xã B, huyện L, tỉnh H.

Tòa án đã triệu tập anh Đỗ Xuân H đến Tòa án làm việc, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Kim T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Xuân H. Về con chung: Chị T đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K và cháu Kh; yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho cả hai cháu kể từ tháng 01/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về con riêng, tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn giữa chị Trần Thị Kim T và anh Đỗ Xuân H. Về con chung: Đề nghị giao cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 06/01/2017 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 02/7/2018 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho cả hai cháu, kể từ tháng 01/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về con riêng, tài sản, công nợ và các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên

Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Kim T và anh Đỗ Xuân H là hợp pháp. Trong thời gian chung sống cùng nhau, chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế; mặt khác chị T cho rằng anh H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến xô xát, đánh chửi nhau nên chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 10/2020, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh H cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không còn tình cảm với chị T. Tòa án tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng anh H không đến tham gia phiên họp hòa giải, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn giữa chị T và anh H theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng được nuôi cả hai con chung của chị Trần Thị Kim T là chính đáng, cháu K và cháu Kh đều đang chung sống cùng chị T tại thôn P, xã Ph, huyện L, tỉnh H và được bố mẹ chị T hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên đảm bảo điều kiện về nơi ở của con. Chị T đang làm việc tại phòng khám nha khoa Tâm Đức ở thôn 1, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, thu nhập ổn định từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo điều kiện về kinh tế. Mặt khác, anh H không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập của anh. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu K và cháu Kh cho chị Trần Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật. Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu mỗi tháng là 2.000.000 đồng là phù hợp, nên được chấp nhận.

[4] Về con riêng: Anh Đỗ Xuân H có 01 con riêng với chị Nguyễn Thị Th là cháu Đỗ Hoàng A, sinh ngày 26/11/2004. Do Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân đã giải quyết: Anh Đỗ Xuân H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Hoàng A cho đến khi cháu Hoàng A đủ 18 tuổi, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 79/2013/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2013 nên về con riêng của anh H, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Kim T và anh Đỗ Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 06/01/2017 và cháu Đỗ Đăng Kh, sinh ngày 02/7/2018 cho chị Trần Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T là 2.000.000 đồng (Hai triệu)/tháng (Mỗi cháu là 1.000.000 đồng), kể từ tháng 01/2022 cho đến khi cháu K, cháu Kh đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.*

3. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Kim T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, đối trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2010/0000956 ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Anh Đỗ Xuân H phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS Lý Nhân;
- UBND xã Bắc Lý;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đỗ Quốc Huy**